

**BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *11* /NQ-HĐTHVTC

Hà Nội, ngày *08* tháng *11* năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
Về việc ban hành Quy chế tài chính của Học viện Tài chính**

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 120/2001/QĐ-TTg ngày 17/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tài chính

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-BTC ngày 04/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết nghị của Hội nghị BCH Đảng ủy Học viện Tài chính tháng 10 năm 2022, ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số: 08/NQ-HĐTHVTC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng trường Học viện Tài chính nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại phiên họp thứ 4 ngày 01 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tài chính của Học viện Tài chính.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng ban Tài chính kế toán, Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng các đơn vị thuộc Học viện và toàn thể cán bộ, viên chức, người học của Học viện có nhiệm vụ thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- BTV Đảng ủy (để b/c);
- Ban Giám đốc (để t/h);
- Các thành viên HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TK.HĐT. *65*

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
CHỦ TỊCH**

HỌC VIỆN
TÀI CHÍNH

Nguyễn Đào Tùng
Nguyễn Đào Tùng

QUY CHẾ TÀI CHÍNH CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐTHVTC ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Trường Học viện Tài chính)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền quản lý tài chính và các quy định về Nguồn tài chính, các nhiệm vụ chi, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong Học viện về quản lý nguồn tài chính, quản lý sử dụng các khoản chi, quản lý phân phối kết quả tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động của Học viện Tài chính (sau đây gọi tắt là Học viện).

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị, cá nhân thuộc, trực thuộc Học viện và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tài chính của Học viện.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy chế tài chính

1. Quy chế tài chính là cơ sở để Học viện thực hiện thống nhất quản lý về tài chính, kế toán và công khai tài chính nhằm đảm bảo quyền, trách nhiệm tự chủ tài chính của Học viện và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo việc quản lý và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài chính nhằm tăng cường cơ sở vật chất, mở rộng các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ; nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác và ngày càng cải thiện thu nhập cho viên chức và người lao động.

3. Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn tài chính, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Căn cứ để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Học viện Tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tuân thủ pháp luật về ngân sách, kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản công và các quy định khác có liên quan đến quản lý tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Phân quyền hợp pháp, hợp lý giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động thu chi và quản lý tài chính nội bộ của Học viện.

4. Công khai, minh bạch trong quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi trên cơ sở đảm bảo quyền kiểm tra, giám sát nội bộ của tập thể viên chức, người lao động trong Học viện và quyền kiểm tra giám sát từ bên ngoài của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động tài chính của Học viện;

5. Quy chế tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Điều 4. Quản lý nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn tài chính của đơn vị gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp:

- Ngân sách nhà nước cấp kinh phí để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho sinh viên (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

- Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có), bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

- Ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ (nếu có);

- Ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho Học viện để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng;

- Ngân sách nhà nước cấp vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có).

b) Các khoản thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị:

- Thu học phí theo quy định của Học viện và các quy định của pháp luật;

- Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, gồm: Thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ; thu dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo; thu từ hoạt động hợp tác đào tạo với doanh nghiệp; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, các dịch vụ khác phù hợp với

chức năng, nhiệm vụ của Học viện và quy định của pháp luật;

- Các khoản thu từ: lãi tiền gửi ngân hàng, hoạt động kinh doanh dịch vụ, đầu tư tài chính, liên doanh liên kết...;

- Thu từ cho thuê tài sản công (nếu có): đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, vốn góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, mở rộng và phát triển Học viện; các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và được hội đồng trường phê duyệt (nếu có).

d) Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Nguyên tắc quản lý nguồn tài chính của đơn vị:

a) Các khoản thu của Học viện được thực hiện theo quy định về nội dung và mức thu do Giám đốc Học viện ban hành trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng trường thông qua;

b) Nội dung thu và định mức thu được thực hiện theo quy định của nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên trên cơ sở đảm bảo bù đắp chi phí, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo tăng thu nhập cho viên chức và người lao động; cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện;

c) Thực hiện cho thuê tài sản công: Học viện phải xây dựng đề án sử dụng cho thuê tài sản công và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành.

d) Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn: Học viện phải xây phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn.

Điều 5. Quản lý nội dung và định mức chi

1. Các khoản chi:

a) Chi đầu tư phát triển gồm: Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước cấp, từ quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác; Chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong Học viện theo quy định pháp luật về giáo dục đại học;

b) Chi thường xuyên cho các hoạt động của Học viện gồm: chi tiền lương; chi hoạt động chuyên môn, chi NCKH, hoạt động dịch vụ, chi quản lý; ...

c) Chi học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên; các khoản chi hỗ trợ khác cho sinh viên (nếu có) trong các cơ sở giáo dục đào tạo công lập theo quy định của Nhà nước;

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao (nếu có), gồm: chương trình mục tiêu quốc gia; chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức

kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng;

- d) Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có);
- e) Chi góp vốn liên doanh, liên kết...theo quy định của pháp luật;
- g) Chi từ nguồn tài trợ, viện trợ;
- h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Nguyên tắc quản lý nội dung, định mức chi:

a) Nội dung và định mức chi của Học viện được xây dựng trên cơ sở phù hợp với nguồn lực tài chính các hoạt động của đơn vị; được quy định và thực hiện thống nhất theo Quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm cung ứng dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ khác với chất lượng tốt đồng thời tiết kiệm chi phí và hiệu quả.

b) Đối với các khoản chi đầu tư, căn cứ nhu cầu đầu tư đơn vị xây dựng danh mục dự án đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt, căn cứ nguồn tài chính dành cho chi đầu tư phát triển, đơn vị triển khai các hoạt động liên quan đến thực hiện dự án đầu tư, bao gồm phương án xây dựng, tổng mức vốn, nguồn vốn, phân kỳ thời gian triển khai theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Đối với các nội dung chi chưa có định mức theo Quy chế chi tiêu nội bộ, Giám đốc Học viện được quyền quyết định phù hợp với nguồn tài chính của Học viện, quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này;

Điều 6. Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi

1. Các đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện phải chịu trách nhiệm quản lý về nội dung, mức chi và số tiền đã chi; chịu trách nhiệm về hồ sơ pháp lý, hóa đơn chứng từ thanh toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sai phạm có liên quan; các khoản chi phải tuân thủ nội dung, mức chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ; Các nội dung chi theo các nhiệm vụ được giao và được cấp kinh phí theo dự toán phải tuân thủ dự toán đã phê duyệt; Các nội dung chi của các chương trình, đề tài, đề án, dự án phải nằm trong phạm vi dự toán được duyệt và các cam kết với nhà tài trợ (nếu có);

2. Ban Tài chính kế toán, kế toán các đơn vị thuộc Học viện chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu nội dung, mức chi theo các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Phân phối kết quả tài chính

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên, Học viện được sử dụng theo thứ tự như sau:

1. Trích tối thiểu 25% chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được sử dụng để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc;

phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

2. Quỹ bổ sung thu nhập được trích lập trong trường hợp đơn vị trả lương cán bộ, viên chức theo ngạch, bậc, chức vụ; Quỹ được trích lập hàng năm theo quyết định của Giám đốc Học viện Tài chính (tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định).

Quỹ bổ sung thu nhập được sử dụng để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả, công bằng gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác.

3. Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được trích lập hàng năm theo quyết định của Giám đốc Học viện Tài chính (tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị).

Quỹ khen thưởng được sử dụng để chi khen thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc Học viện quyết định và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Quỹ phúc lợi được sử dụng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của đơn vị; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện và chi hoạt động phúc lợi khác.

4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (Hội đồng trường quyết định theo đề xuất của Giám đốc Học viện).

5. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

6. Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư, mua sắm, góp vốn liên doanh, liên kết phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công; pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

7. Mức trích cụ thể của các quỹ và quy trình sử dụng các quỹ do Giám đốc Học viện quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ, phù hợp với quy định pháp luật liên quan và phải công khai trong toàn Học viện.

Chương III

TỰ CHỦ VỀ GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 8. Mở tài khoản giao dịch

1. Học viện được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

2. Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý.

Điều 9. Huy động vốn và vay vốn tín dụng

1. Nguyên tắc chung

a) Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, Học viện phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn; tự chịu trách nhiệm trả nợ, cả gốc và lãi tiền vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động;

b) Học viện không được sử dụng tài sản công để thế chấp vay vốn theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng, huy động vốn phải thực hiện theo quy định của pháp luật, công khai, dân chủ trong đơn vị.

2. Học viện có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, được huy động vốn của viên chức, người lao động trong trường để đầu tư mở rộng, cải tạo, sửa chữa làm cơ sở vật chất hiện có; mua bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng và tăng quy mô hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định của pháp luật. Việc huy động vốn của viên chức, người lao động trong trường được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Hội đồng trường chịu trách nhiệm phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn.

Điều 10. Tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết

1. Học viện được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Học viện xây dựng đề án liên doanh, liên kết trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân

mới); phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết. Giám đốc Học viện báo cáo Hội đồng trường thông qua đề án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp Học viện sử dụng thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh, liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới thì Học viện thực hiện theo các quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan khác.

4. Việc phân chia kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

a) Đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới: Học viện thực hiện bổ sung toàn bộ kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết vào nguồn tài chính của Học viện theo đề án liên doanh, liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới: số tiền thu được từ kết quả phân chia của hoạt động liên doanh, liên kết sau khi chi trả các chi phí lãi vay, chi phí thuê tài sản đem đi góp vốn (nếu có); phần thu nhập được chia còn lại của Học viện được quản lý và sử dụng theo đề án liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

5. Trường hợp sử dụng thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm để liên doanh, liên kết và các trường hợp đặc thù khác, Học viện thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Khi xác định giá trị thương hiệu để góp vốn liên doanh, liên kết theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính của Học viện sử dụng trong thẩm định giá được xác định như sau:

a) Thu nhập của Học viện được xác định trên cơ sở chênh lệch thu chi trước lãi vay, sau thuế cộng khấu hao hoặc sử dụng phương pháp khác phù hợp theo quy định;

b) Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của Học viện được xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Trường hợp không có trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm thì xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài nhất gần thời điểm thẩm định giá;

c) Giá trị của các tài sản đóng góp trong cách tiếp cận từ thu nhập được xác định theo giá trị sổ sách kế toán.

6. Trường hợp thực hiện vay vốn, huy động vốn liên doanh, liên kết đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA HỌC VIỆN

Điều 11. Tài sản của Học viện

1. Tài sản của Học viện được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Tài sản của Học viện gồm: Đất, nhà, công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, tài sản vô hình, các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, các trang thiết bị và tài sản khác được Nhà nước giao cho Học viện quản lý và sử dụng.

2. Học viện và các đơn vị thuộc Học viện có trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo công bằng, hiệu quả, tiết kiệm và phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

3. Học viện được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục.

4. Tài sản của Học viện phải được hạch toán đầy đủ về mặt hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị tài sản trong quan hệ mua, bán, thuê, cho thuê, liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản hoặc trong các giao dịch khác được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trích khấu hao và tính hao mòn tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Học viện ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công thống nhất và áp dụng chung cho các đơn vị thuộc Học viện.

Điều 12. Đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, mua sắm tài sản

1. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, mua sắm tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, xây dựng, mua sắm và các quy định liên quan của Học viện. Các đơn vị thực hiện dự án chịu trách nhiệm trước Hội đồng trường, trước Giám đốc Học viện về khối lượng, chất lượng, chi phí, hiệu quả đầu tư, mua sắm tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư về đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, mua sắm tài sản được thực hiện phân cấp theo quy định.

3. Thực hiện chế độ kế toán, lập báo cáo quyết toán và các báo cáo khác có liên quan về tài chính theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền về quản lý đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, mua sắm tài sản.

Điều 13. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của Học viện

Học viện được phép thuê tài sản để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ của Học viện từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định.

Điều 14. Sử dụng tài sản để cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết

Tài sản của Học viện sử dụng vào việc cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết phải được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, liên doanh, liên kết, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Học viện, không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Học viện.

Chương V

CÔNG TÁC KẾ TOÁN, CÔNG KHAI VÀ KIỂM TRA, KIỂM TOÁN

Điều 15. Chế độ kế toán

1. Học viện thực hiện hạch toán kế toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành.

2. Ban Tài chính kế toán của Học viện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân thuộc Học viện thực hiện theo đúng các quy định.

3. Các đơn vị hạch toán độc lập, hạch toán phụ thuộc phải thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, quản lý tài sản, hạch toán kế toán, báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Ban Tài chính Kế toán Học viện và các quy định hiện hành.

Điều 16. Khóa sổ kế toán, lập báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính

1. Cuối niên độ kế toán, Ban Tài chính Kế toán Học viện thực hiện khóa sổ kế toán theo quy định của chế độ kế toán đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành và hướng dẫn các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Học viện thực hiện đầy đủ quy định về khóa sổ kế toán, lập báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính.

2. Ban Tài chính kế toán Học viện lập Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trình Ban giám đốc Học viện, Hội đồng trường thông qua và nộp báo cáo Bộ Tài chính

Điều 17. Quyết toán báo cáo tài chính các đơn vị thuộc Học viện

Ban Tài chính kế toán Học viện có trách nhiệm tổ chức và thực hiện công tác xét duyệt quyết toán báo cáo tài chính hàng năm của các đơn vị thuộc Học viện.

Điều 18. Công khai tài chính:

Thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ.

1. Nội dung thu:

- a) Các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp;
- b) Các khoản thu từ học phí, từ hoạt động cung cấp dịch vụ và các nguồn thu khác của Học viện.

2. Nội dung chi:

- a) Kế hoạch tài chính hàng năm;
- b) Quyết toán tài chính năm được người có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Các nội dung công khai khác theo quy định.

3. Thẩm quyền công khai tài chính

Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm tổ chức công tác công khai tài chính theo quy định.

4. Hình thức công khai

Thực hiện công khai tài chính theo một trong các hình thức sau:

a) Phát hành văn bản (in thành tài liệu)/email gửi đến đối tượng được công khai;

b) Thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết trên bản tin của Học viện;

c) Công bố công khai trong Hội nghị viên chức, người lao động.

5. Thời điểm công khai: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Kiểm tra, kiểm toán

1. Tự kiểm tra công tác quản lý tài chính, kế toán: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, các đơn vị thuộc Học viện, Ban Tài chính Kế toán Học viện, có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ tự kiểm tra công tác quản lý tài chính, kế toán thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi do đơn vị mình quản lý.

2. Kiểm tra kế toán: Theo chức năng và thẩm quyền, Giám đốc Học viện có thể ban hành quyết định kiểm tra công tác quản lý tài chính, kế toán đối với đơn vị trực thuộc. Việc kiểm tra tuân thủ theo trình tự và thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kiểm toán độc lập: Căn cứ tình hình thực tế tại Học viện, Hội đồng Học viện có thể phê duyệt việc thuê dịch vụ kiểm toán độc lập để kiểm toán về sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, hoạt động tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản của Học viện.

4. Kiểm toán Nhà nước: Giám đốc Học viện có trách nhiệm báo cáo kết luận của Kiểm toán Nhà nước đối với Học viện cho Hội đồng trường.

Chương VI

LẬP, CHẤP HÀNH DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

Điều 20. Căn cứ lập dự toán ngân sách

1. Căn cứ các văn bản hướng dẫn theo quy định của pháp luật nhà nước về lập dự toán ngân sách.

2. Kế hoạch và các nhiệm vụ của năm kế hoạch.

3. Quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.

4. Nguồn lực và phương án khả thi trong việc thực hiện dự toán.

5. Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ, dự toán ngân sách năm trước và một số năm gần kề, kết quả hoạt động, tình hình thu, chi tài chính của năm trước liền kề.

6. Các quy định, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá hiện hành theo từng ngành, lĩnh vực được tổ chức, cơ quan có thẩm quyền ban hành thực hiện.

Điều 21. Yêu cầu lập dự toán ngân sách

1. Tất cả các đơn vị có sử dụng ngân sách của Học viện trong năm phải lập dự toán. Đối với các đơn vị có liên quan đến nguồn thu của Học viện phải cung cấp các số liệu, thông tin làm cơ sở cho Học viện lập dự toán thu hằng năm.

2. Dự toán của Học viện và của các đơn vị phải đảm bảo tính khả thi và thực tế; phù hợp với tiêu chuẩn, chế độ, định mức, đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện tốt chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng và chống tham nhũng.

3. Việc lập dự toán phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ về cơ sở, căn cứ lập dự toán.

4. Dự toán phải theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định của Học viện và của Bộ Tài chính.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc lập, tổng hợp dự toán ngân sách hằng năm

1. Các đơn vị có liên quan thuộc Học viện có trách nhiệm: Lập kế hoạch về danh mục, kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách cho các nhiệm vụ do đơn vị phải thực hiện trong năm và thực hiện quy trình, thủ tục thanh quyết toán đối với các khoản chi đã thực hiện.

2. Các đơn vị thuộc Học viện có phát sinh hoạt động thu, chi có trách nhiệm lập dự toán gửi Ban Tài chính Kế toán tổng hợp.

3. Ban Tài chính Kế toán chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp chung dự toán ngân sách hoạt động hàng năm của Học viện gửi trình Giám đốc học viện ký và trình Hội đồng trường thông qua, gửi báo cáo Bộ Tài chính.

Điều 23. Phân bổ và giao dự toán

Việc phân bổ và giao dự toán hằng năm của Bộ Tài chính cho Học viện thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 24. Quyết toán ngân sách

1. Các khoản chi của Học viện bao gồm: Chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên... và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi được tổng hợp đầy đủ trong báo cáo quyết toán thu chi của Học viện theo nguồn và theo nội dung; báo cáo quyết toán phải là số thực chi theo quy định.

3. Đối với các khoản chi từ nguồn kinh phí NSNN, Học viện phải thực hiện đầy đủ các quy định về khoá sổ kế toán, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để xác nhận số liệu.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 25. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan.

2. Hội đồng trường có nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 3 quy định tại Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ Tài chính và Điều 24 khoản 4; Điều 25 khoản 2 tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường trong lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản khi có phát sinh theo quy định của pháp luật.

3. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Học viện.

Điều 26. Giám đốc Học viện

Giám đốc Học viện có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Học viện.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động về tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức hoạt động của Học viện và nghị quyết của Hội đồng trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Học viện.

3. Quyết định các mức thu cụ thể về học phí, các khoản thu khác theo thẩm quyền.

4. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ quy định các nguồn tài chính, các nội dung, định mức chi cụ thể phục vụ cho hoạt động của Học viện trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật và được Hội đồng trường thông qua.

5. Tổ chức và điều hành bộ máy kế toán, quyết định dự án đầu tư theo Quy định chi tiết của Luật Đầu tư công, phân cấp quản lý theo Quy định của nhà nước, Bộ Tài chính và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện.

6. Chỉ đạo Ban Tài chính kế toán triển khai lập kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và các hoạt động khác trình Hội đồng trường thông qua. Báo cáo các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về kết quả thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của Học viện; thực hiện công khai minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình về công tác quản lý tài chính, tài sản;

7. Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị của Học viện.

8. Hằng năm, báo cáo trước Hội đồng trường về kết quả thực hiện tài chính, tài sản của Học viện; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng trường, Giám đốc Học viện, Phó Giám đốc Học viện, Trưởng các đơn vị thuộc Học viện và các tập thể, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Học viện có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Ban Tài chính Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Học viện thực hiện Quy chế này; xây dựng biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ trình Giám đốc Học viện phê duyệt để thực hiện cho phù hợp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu pháp luật có quy định mới khác với nội dung trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Hiệu lực, sửa đổi bổ sung Quy chế

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có thay đổi, Hội đồng trường sẽ xem xét, sửa đổi bổ sung Quy chế cho phù hợp. /.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đào Tùng